

SỐ 1750

PHẬT THUYẾT KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT SỐ VÀ LỜI TỰA

Đại sư Thiên Thai Trí Giả giảng.

Phàm cõi Cực lạc và cõi khổ cũng ví như vàng ngọc so với bùn cát, thai ngục so với ao hoa, gai gốc sánh với cây ngọc. Bởi do tâm phân cấu tính mà thấy hai cõi có thăng trầm. Hạnh làm thiện ác mà thấy hai cõi có diệu có thô; dụ như hình thẳng thì bóng ngay, nguồn đục thì nước cạn. Cho nên biết muốn sinh về cõi Cực lạc thì phải tu mười sáu Diệu quán; nguyện thấy Di-đà Thế tôn thì phải làm ba thứ tịnh nghiệp. Nhưng hóa do sự tiệm, giáo nhờ duyên hưng. Vì vua A-xa-thế ngộ nghịch giết cha, bà Đề-hi tha thiết cầu nguyện, Đấng Đại Thánh rủ lòng Từ tùy cơ mà giảng pháp. Hiện tướng ngọc là lưu bình. Bày đài cao mà hiện điềm lạ. Tuy rộng nêu cõi báu mà gốc về An dưỡng, khiến kẻ tục đời mạt pháp có duyên mà nương theo quán mẫu này. Mặt trời lặn như trống treo là nêu phương hướng tưởng; nước lớn kết băng là biểu thị cho đất lưu ly; gió ngậm lá báu cùng nhạc trời trổi lên; sóng động ao vàng, hợp tiếng với kinh, quán nhục kế mà nhìn thị giả, nghĩ đến sợi lông trắng mà thấy Đức Như lai. Khi nhắm mắt từ lên đài báu mà thẳng bước. Văn thánh thì ấn hoại (hỏng) ngôi hoa vàng mà hóa sinh. Theo ba nhóm của con đường tắt để thoát khỏi năm khổ. Đáng được gọi là vi hạnh diệu quán là yếu quyết để đạt đạo.

Kinh này lấy Tâm quán làm tông, Thật tướng làm thể, nói “Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật”, thì Phật là Thắng cảnh sở quán, nêu

Chánh báo để gồm Y báo, nói Hóa chủ để bao gồm cả đồ chúng. Quán tuy có mười sáu pháp nhưng nói Phật thì bao trùm khắp tất cả. Cho nên gọi Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật. Kinh là pháp huấn thường còn, do miệng vàng của bậc Thánh nói ra nên gọi là Kinh.

Giải thích năm nghĩa của kinh là Danh, Thể, Tông, Dụng, Giáo tướng...

1. Giải thích tên gọi:

Tất cả các kinh đều có tên chung và riêng. Chung thì một chữ Kinh, riêng thì bảy chữ kia. Hoặc đơn người pháp, thí hoặc phức (kép hai, ba thứ) hoặc đủ. Nay kinh từ người năng thuyết, sở thuyết, mà đặt tên tức là giáo riêng, cùng tên với kinh tức là giáo chung, nghĩa là hạnh không giống nhau, từ một cho đến vô lượng tức là hạnh riêng, đồng hội thường lạc. Lý tuy không tên, dùng môn gọi lý, lý thì tùy môn, tức là lý riêng môn tùy ở lý tức gọi lý chung. Đây là ước hóa, để nói chung và riêng. Lại ước một đề Phật nói tức là Giáo, quán tức là Hạnh, Vô Lượng Thọ tức là Lý. Giáo, hạnh, lý đầy đủ, mặc tình có ý chung, riêng. Lại đối với một chữ mà nói, thì thích luận chép: Việc sở hành như sở thuyết tức là giáo, như tức là lý. Làm tức là hạnh, Phật tức là pháp tâm, quán tức là Bát-nhã, Vô Lượng Thọ tức giải thoát. Nên biết, một gồm ba, ba tức một; trong một hiểu vô lượng, trong vô lượng hiểu một. Ở một chữ còn thấu suốt vô lượng nghĩa hướng chi là nhiều chữ, hoặc một đề, hoặc một kinh, hoặc tất cả kinh. Nên kinh nói nếu nghe tên đề kinh thì được công đức không thanh tịnh hạn lượng. Nếu không như trên mà hiểu, làm sao được công đức vô hạn.

Trước giải thích về Phật; Phật nghĩa là giác có sáu tức. Kinh Niết- bàn chép: “Tất cả chúng sinh tức là Phật.” Như cô gái nghèo ở nhà bấu, các vật đều còn đủ. Lực sĩ gạch châu tròn sáng ở đáy. Như lai Tàng kinh nêu mười dụ áo rách giầu vàng ròng, tượng trong khuôn đất, nhà tối bình đầy, bảy báu trong giếng là vốn tự có, chẳng phải nay mới gặp. Kinh Tịnh Danh chép: “Tất cả chúng sinh đều như tháp báu, điều này nghĩa là thế giới Phật và thế giới chúng sinh; một giới không giới khác. Đây là Viên trí, tức là hiểu biết các pháp khắp tất cả chỗ đều rất rõ ràng. Tuy năm Vô Gian đều là tướng giải thoát. Tuy tối mê lầm ngược lý ấy vẫn còn. Lý này rõ ràng thế gian thường trụ. Có Phật chẳng ích, không Phật cũng chẳng hao tổn chi. Được không lấy làm cao, mất chẳng cho là thấp, cho nên nói chúng sinh tức là Phật, là lý Phật.

Theo lý này nếu Phật không nói thì chẳng thể nào biết được; Kinh Pháp Hoa nói một trăm tám mươi kiếp luống qua chẳng có Phật. Khi

Đức Thế tôn chưa xuất hiện thì mười phương thường tối đen. Kinh Niết-bàn chép: “Vô lượng đời cũng chẳng nghe có Đức Như lai ra đời. Tên kinh Đại thừa thì nếu Phật ra đời mới có xuất hiện mặt trời trí tuệ, biết ánh sáng Tam bảo, mở môn cam lộ thì mới biết diệu vị của mười hiệu. Do đây mà mới sinh vui mừng. Cho nên trưởng giả Tu-đạt nghe tên mà khấp mình nổi ốc. Đây là Danh tự Phật.

Quán hạnh Phật, là quán các tướng tốt. Như đức tượng vàng tâm duyên với sắc đẹp đối ở trước mắt, nhắm mắt mở mắt, hoặc sáng hoặc tối thường được chẳng lìa thấy Phật Thế tôn. Từ trong biển tướng lớn chảy ra tướng nhỏ, mênh mông như nước đại kiếp rảo mắt nhìn khắp đều là thế giới Phật. Niệm một Phật thì đồng với mười phương, niệm Phật hiện tại thì đồng với Phật ba đời. Một thân, một trí tuệ, lực vô úy cũng thế. Niệm Sắc thân, niệm Pháp môn, niệm Thật tướng, thường vận niệm, không gì chẳng niệm, niệm niệm đều biết rõ. Đó gọi là Quán hạnh Phật.

Tương tự Phật, là nghĩ nhớ thân tướng tốt của Phật, được tương tự tương ứng. Niệm thân Phật pháp môn được tương tự tương ứng, niệm thân Phật tướng được tương tự tương ứng. Tương tự là hai vật giống nhau. Như dưa giống vàng, như dưa giống bầu, như ấm trước lửa, ra bể sâu trước bằng. Tánh nước rất lạnh uống vào mới biết. Khát chẳng dào giếng nghe nói làm sao. Lược nêu cốt yếu, như trong Kinh Pháp Hoa nói sáu căn thanh tịnh tức là tướng ấy, gọi là tương tự Phật.

Phần chứng Phật là Sơ trụ phát tâm. Một phát tức tất cả phát, phát tất cả công đức, phát tất cả trí tuệ, phát tất cả cảnh giới, chẳng trước chẳng sau cũng chẳng một lúc trong ba trí một tâm mà được. Được thân diệu sắc của Như lai, rỗng rang ứng tất cả, mở kho bí mật, dùng pháp bất trụ mà trụ trong ấy, dùng khắp hiện sắc thân mà làm các sắc tượng. Một âm tùy loại báo đáp các tiếng, chẳng động chân tế, chúng sanh đều vui. Vì ứng với ba luân độ nên có khả năng tám tướng thành đạo, đủ oai nghi Phật, dùng âm thanh phương tiện của Phật mà độ thoát hướng chi là chín pháp giới ba luân ư? Sơ trụ còn thế, hướng chi là Đẳng giác. Cho nên gọi là Phần chứng Phật.

Cứu cánh Phật, là đạo cùng Diệu giác, vị cao tốt tất cả. Cho nên chỉ có Phật và Phật biết hết thật tướng các pháp, trí tuệ tròn đầy, giác ngộ tột cùng. Vô Thượng Sĩ gọi là bậc không còn chỗ đoạn dứt. Vô Thượng Sĩ là không gì hơn, như trăng ngày rằm tròn sáng đầy đủ, là vua trong các sao, cao quý hơn hết, oai đức cao tốt nhất gọi là Cứu cánh Phật. Phật có vô lượng công đức, nên có vô lượng danh hiệu, nêu một

mà đủ khắp. Kinh Hoa Nghiêm nói có mười muôn hiệu. Chư Phật chung có mười hiệu Ba đời. Tịnh Danh nói có ba hiệu, mà sống hết kiếp nói cũng không hết hưởng là các danh hiệu.

Nói bày tỏ lòng mình, tức là mười hai bộ kinh, tám muôn pháp tạng, sáu độ, bốn đẳng tất cả các pháp môn, lại đối với một pháp mà chia làm bốn môn, mỗi môn khéo làm bốn Tất-đàn lợi ích. Người nghe vui mừng đọc tụng vâng làm. Tín giới, tấn niệm mà được khai phát, tham giận ngu si trống rỗng đều tiêu tan, đổi phàm thành Thánh vào dòng nước pháp. Hoặc được ba, hai, một ích. Nếu đều vô ích thì im lặng. Hoặc một cơ khẩu Thánh. Ở một môn mà bày bốn ích, ba môn kia cũng như thế. Vì (làm) một duyên mà nói một pháp như thế. Các duyên các pháp cũng đều như vậy. Quán là xét, có thứ lớp ba quán, ba quán trong một tâm.

Từ giả vào không quán, cũng gọi là hai đế quán. Từ không vào giả quán cũng gọi là quán bình đẳng. Hai không quán là phương tiện được vào trung đạo Đệ nhất nghĩa đế quán, thì tâm tâm vắng lặng, tự nhiên chảy vào biển trí Tát-bà-nhã.

Tên này xuất xứ từ kinh Anh Lạc, nay giải thích ý ấy.

Giả là luống dối, là tục đế. Không là xét, thật là chân đế. Nay muốn bỏ tục về chân, cho nên nói từ giả vào không quán. Giả là nói vào không trước phải quán giả, biết giả là luống dối mà được gặp chân, cho nên nói quán hai đế.

Nếu Quán này thành thì liền chứng Nhất thiết trí, từ không vào giả quán, là nếu trụ ở không, nào khác với Nhị thừa chẳng thành Phật pháp chẳng lợi ích chúng sinh. Cho nên quán không chẳng trụ ở không mà vào ở giả. Biết bệnh biết thuốc, đúng bệnh cho thuốc để được lành bệnh. Cho nên nói từ không vào giả quán. Mà nói bình đẳng là so với trước mà gọi là bình đẳng. Trước phá giả dùng không, nay phá không dùng giả, phá dụng đã đều nên gọi là quán bình đẳng. Khi quán này thành thì chứng đạo chủng trí, hai không là phương tiện, là một là quán không sinh tử, hai là quán không Niết-bàn. Hai không này là phương tiện cùng ngăn. Trước quán dụng không, kế quán dùng giả, hai dụng này là phương tiện cùng chiều. Tâm tâm quy về biển trí Tát-bà-nhã là song chiếu hai đế vậy. Khi quán này thành thì chứng trí Nhất thiết chủng. Đó là thứ lớp ba quán.

Một tâm ba quán, đây trích từ Thích Luận. Luận chép: “Ba trí thật ở trong một tâm mà được.” Chẳng những chỉ một quán mà là ba quán, quán ở một đế mà là ba đế, nên gọi một tâm ba quán. Loại như một tâm

mà có sinh trụ diệt. Như ba tướng này ở trong một tâm; khi quán này thành thì chứng một tâm ba trí, cũng gọi là trí Nhất thiết chủng. Tướng vắng lặng các thứ hạnh loại tướng mạo đều biết. Tướng vắng lặng, tức là đều mất. Các thứ tướng mạo đều biết là sức cùng chiếu. Trung luận chép: “Nhân duyên sinh ra pháp tức không tức giả tức trung.” Thích luận chép: “Ba trí thật ở trong một tâm mà được”, tức là ý này. Quán mẫu nhiệm này tức một mà ba, tức ba mà một, một quán tất cả quán, tất cả quán là một quán, tất cả quán là một quán, chẳng phải một chẳng phải tất cả. Như đây mà quán là nhiếp tất cả quán.

Vô Lượng Thọ là Thiên Trúc gọi là A-di-đà. Phật vốn không thân, không thọ và cũng không lượng, vì thuận theo thế gian mà luận ba thân, cũng thuận theo thế gian mà luận ba thọ, cũng thuận theo thế gian mà luận về ba lượng.

Pháp thân là Sư quy pháp tánh, lại dùng thân pháp tánh. Thân này không phải sắc chất, cũng không phải tâm trí, không phải giới nhập chỗ nhiếp trì (không phá cho ấm giới pháp nhiếp giữ) mà gượng chỉ Pháp tánh là Pháp thân. Pháp tánh thọ không phải báo mà được mạng căn, cũng không phải do liên tục giữ gìn, mà gượng nói chỗ không đời không đổi gọi là Thọ. Thọ này không phải lượng dài cũng không phải lượng ngắn, không lâu không gấp mà gượng cho rằng pháp thọ đồng lượng hư không. Đây thì thân chẳng phải thân, thọ của không thọ và lượng chẳng lượng.

Báo thân là tu hành cảm được. Kinh Pháp Hoa chép: “Tu nghiệp lâu mà được.” Kinh Niết-bàn chép: “Tu đạo mà được. Trí như như chiếu cảnh như như. Bồ-đề trí tuệ tương ứng tương minh với pháp tánh.” Tương ứng là như hàm cái khớp nhau, tương minh là như nước sữa hòa nhau. Pháp thân chẳng phải thân cũng chẳng phải chẳng thân. Trí đã ứng minh thì không phải thân cũng không phải chẳng thân, gượng gọi trí này là Báo thân. Pháp thọ không phải thọ không phải chẳng thọ. Trí đã ứng minh cũng chẳng phải thọ chẳng phải không thọ, gượng cho rằng chẳng phải thọ là thọ. Pháp lượng chẳng phải lượng chẳng phải không lượng (vô lượng = nhiều còn không lượng = không). Trí đã ứng minh cũng chẳng phải lượng chẳng phải không lượng, nên gượng gọi lượng là lượng.

Ứng thân, ứng đồng với muôn vật làm thân, ứng đồng với liên trì làm thọ, ứng đồng với dài ngắn làm lượng. Trí và thể minh nhau mà khởi đại dụng, như nước bạc hòa với vàng ròng có thể thoa vào sắc tượng. Công đức hòa cùng pháp thân nơi nơi ứng hiện đến, hay làm thân

và chẳng phải thân, hay làm thường thọ, hay làm vô (không) thường thọ, hay làm vô (không) lượng hay làm hữu lượng. Hữu lượng có hai nghĩa:

- Lượng của vô lượng.
- Lượng của hữu lượng.

Như A-di-đà thật có kỳ hạn người trời không đếm được là không lượng của hữu lượng ứng Phật đều là hai lượng, theo vật tùy duyên mà dài ngắn khác nhau. Nhưng đây ba thân, ba thọ đều chẳng phải một, chẳng phải khác, tức trái pháp thể. Tức một mà ba, tức ba mà một.

2. Nói về thể:

Thể là chủ chất. Thích Luận chép: “Trừ các pháp thật tướng, các thứ khác đều là việc ma.” Kinh Đại thừa lấy thật tướng làm ấn, làm chánh thể của kinh. Vô lượng công đức cùng trang nghiêm mọi thứ hành vi ác đều thú hưởng về. Nói năng hỏi đáp mà luận ra ví như các sao đều châu Bắc đẩu, như muôn sông đều đổ ra biển Đông. Cho nên lấy thật tướng làm thể cho kinh.

Sách ta giải lễ, là huấn thể. Thể có tôn ti già trẻ. Vua cha là thể cao quý, tôi con là thể thấp hèn. Phải biết giải thích thể lễ là pháp cực quý. Lại thể là nghĩa đạt, được ý thể nay thông suốt không bít lấp, như gió thổi giữa hư không tự tại vô chướng ngại, tất cả tên khác nói riêng đều cùng thật tướng không trái nhau. Thích Luận chép: “Bát-nhã là một pháp, Phật nói các tên, cho nên lấy thể đạt mà giải thích thể kinh.”

3. Nói về tông chỉ kinh:

Trước phân biệt tông thể, kể nói về tông. Có người nói tông tức là thể, thể tức là tông. Nay thì không dùng, vì sao? Vì nếu tông là hai thể thì thể ắt chẳng hai. Thể nếu là hai thì thể tức chẳng phải thể. Nếu Tông chẳng hai thì tông tức chẳng phải tông. Như cột kèo là rường mối trong nhà, nhà trống là do cột kèo nắm lấy, chẳng phải cột kèo là nhà trống, nhà trống là cột kèo. Nếu Tông, thể là một thì lỗi cũng như thế, tông thể khác nhau thì hai vật cô điệu. Tông chẳng phải tông hiển thể, mà thể chẳng phải là thể của tông gia. Tông chẳng phải tông hiển thể thì tông là tà đảo không ấn. Thể chẳng phải là thể tông gia thì thể hẹp chẳng khắp, lìa pháp tánh có các pháp riêng. Tông thể khác nhau lỗi cũng như thế. Nay nói chẳng khác mà khác cho nên có tông chẳng một mà một cho nên có tự thể.

Nay tông kinh này dùng tâm quán tịnh thì cõi Phật tịnh, làm tông cho kinh. Bốn thứ Tịnh độ là cõi Phạm thánh đồng cư, cõi Phương tiện hữu dư, cõi Thật báo vô chướng ngại và cõi Thường tịch quang, đều có

tịnh uest. Năm trước nặng nhẹ là Đồng cư tịnh uest, thể chiết khéo vụng là hữu dư tịnh uest, thứ lớp đốn nhập là thật báo tịnh uest. Phần chứng rốt ráo là tịch quang tịnh uest. Ta-bà tạp ác gai góc ngói gạch, bất tịnh đầy đầy là đồng cư uest. An dưỡng thanh tịnh ao nước tám đức, cây bày bảy báu, kể ở nê-hoàn đều là nhóm chánh đing là Phạm thánh đồng cư thượng phẩm Tịnh độ. Phương tiện hữu dư là tu đạo phương tiện dứt bốn trụ hoặc, nên gọi là phương tiện, vô minh chưa hết nên nói hữu dư. Thích luận chép: “Ngoài ba cõi có Tịnh độ Thanh văn, Bích-chi-phật sinh ra trong đó, chịu thân pháp tánh, không sanh phần đoạn. Kinh Pháp Hoa chép: “Nếu ta diệt độ rồi thật được La-hán thì không tin pháp này. Nếu gặp Phật khác ở trong pháp này liền được quyết liễu. Trong đó lại có lợi độn. Chỉ trên là tịnh, chỉ dưới là uest. Thật báo vô chướng ngại, là phạm pháp chân thật cảm được thắng báo, sắc tâm chẳng ngại nhau, nên nói không chướng ngại cõi này, thuần Bồ-tát ở chẳng có Nhị thừa. Kinh Nhân Vương nói Ba hiền mười thánh trụ ở quả báo tức là nghĩa ấy. Thích luận chép: “Bồ-tát với năm dục hấp dẫn còn khiến cho Ca-diếp đứng dậy nhảy múa.” Kinh Hoa Nghiêm nói: “Vô lượng đài hương vân tức là năm trần tịnh diệu của cõi ấy”, ở trong đó còn luận thứ lớp đốn ngộ trên dưới tịnh uest như nhau. Thường tịch quang thường tức là pháp thân, tịch là giải thoát, quang là Bát-nhã, là ba điểm chẳng ngang dọc đều khác, gọi là Bí nhật tạng, là chỗ Chư Phật đạo ở, chân thường rốt ráo Tịnh độ, phần được rốt ráo trên dưới tịnh uest mà thôi. Cho nên dùng tu tâm diệu quán chiêu cảm được tông kinh.

4. Nói về dụng của kinh:

Dụng là lực dụng sinh thiện diệt ác là lực dụng của kinh. Diệt ác nên nói là lực, sinh thiện nên nói là dụng. Diệt ác nên nói là công, sinh thiện nên nói là đức. Đây đều là nêu riêng, luận ra sẽ đủ. Khổ là quả ác, tham, sân, si là nhân ác. Nếu nhân ác chẳng trừ thì quả ác chẳng mất. Cho nên kinh này khiến cho năm tội nghịch diệt mất mà vãng sinh Tịnh độ, tức là lực dụng lớn của kinh này.

5. Nói về Giáo tướng:

Giáo tướng là thuộc giáo Đại thừa Phương đẳng, tùy theo căn cơ mà độ sinh, rộng lược không giống nhau. Kinh Đại bản hai quyển, ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào niên hiệu Vĩnh gia đời Tống. Bản kinh này do ngài Cương Lương Da-xá ở Dương châu dịch vào đời Tống niên hiệu Nguyên gia. Cả hai kinh này đều nói ở thành Vương xá. Lại có tiểu bản gọi là A-di-đà nói ở nước Xá-vệ. A-di-đà và Vô Lượng Thọ là hai tên ở cõi ấy và cõi này. Hai tạng nói nghĩa thuộc tạng Bồ-tát. Tiệm đốn ngộ

nhập, kinh này thuộc Đốn giáo. Chính vì bà Vy-đề-hy và các thị nữ đều là phàm phu chưa chứng tiểu quả, cho nên biết là đốn mà không từ tiệm vào. Đề nêu Phật nói để phân biệt khác với bốn hạng người là đệ tử, chư Tiên, chư Thiên và hóa nhân nói ra.

Văn phân làm ba: Tựa, chánh văn và Lưu thông.

- Từ “Như thị cho đến thanh tịnh nghiệp xứ” là phần Tựa.

- Từ “Bấy giờ Thế tôn cho đến chư thiên phát đạo tâm vô thượng” là phần Chánh thuyết nói lợi ích cho đương cơ.

- Từ “Bấy giờ A-nan ... cho đến hết kinh” là phần Lưu thông.

Trong Tựa, văn có hai: Chứng tín và Phát khởi. Chánh thuyết cũng có hai: Tịnh nghiệp và Diệu quán. Lưu thông cũng có hai: Cung vua và núi Thứu.

Một là tựa chứng tín có sáu câu: “Như thế” là nêu tin; “Tôi nghe” là nói khác với ngoại đạo; “Một thuở nọ” là nói dứt sự tranh cãi. Phật là nói hóa chủ; vương thành là nói về chỗ ở. Nên chúng là người cùng nghe.

Thật tướng các pháp như thế xưa nay không khác gọi là Như. Đúng lý mà nói gọi là thế, quyết định đáng tin nên nói như thế.

Tôi nghe là biểu thị khác ngoại đạo, đích thân tôi nghe thân thừa tôi ở đó. Tôi là nghĩa tự tại. Tất cả pháp đều không, đều vô ngã, sao lại nói tôi (ngã). Ấy là tùy tục giả danh mà nói là tôi (ngã), tức là kiến man danh tự, nếu không có tôi thì không nghe. Nếu không nghe thì dứt hóa đạo. Cho nên biết vô ngã, nhưng vì muốn truyền hóa không dứt nên giả danh nói là tôi (ngã). Như người lấy tiền vàng mà đổi tiền đồng và rau cỏ. Pháp mua bán như thế không ai cười. Cho nên nói tôi nghe.

Một là Phật pháp không có thật sự nhất định, sao nói là một, là tùy tục mà giả nói một. Thích luận nói rộng một khác. Thời có hai thứ, một là ca la tức thời ngắn, cũng gọi là thật thời. Hai là Tam-ma-da là thời dài, cũng gọi là giả thời. Nay bất luận dài ngắn thật giả, nói kinh này đều gọi chung là một thời.

Phật cũng gọi Bà-già-bà, Hán dịch là Đại Danh Thịnh có tiếng tăm lớn, cũng dịch là năng phá trừ phiền não. Phật là bình đẳng khai giác nên gọi là Phật. Đã có khả năng tự giác lại có khả năng giác tha, Gihành vi ác tròn đầy. Nhất thiết trí khác với ngoại đạo, Từ bi khác với Nhị thừa, bình đẳng khác với tiểu Bồ-tát, cực tôn quý nên gọi là Phật.

Tại, ở tạm gọi là tại, ở lâu gọi là trụ. Trụ là bốn oai nghi đều trụ. Nói cách khác thì có Thiên trụ, Phạm trụ, Thánh trụ, Phật trụ. Thiên trụ là nhân của sáu tầng trời cõi dục, tức là thí, giới, thiện tâm... Phạm trụ là

nhân từ Sơ thiên đến Phi tướng, tức là bốn Vô lượng tâm. Thánh trụ là nhân người Ba thừa, tức là ba thứ tam-muội. Phật trụ là một trăm lẻ tám tam-muội thủ lãng nghiêm, mười Lực, bốn Vô úy, mười tám Bất cộng.

Thành Vương xá, tiếng Thiên trúc gọi là La-duyệt-kỳ-già-la, Thích

Luận giải thích rằng: Vua nước Ma-già đà có hoàng hậu sinh đứa con trai một đầu hai mặt bốn tay. Người cho là điềm không tốt. Vua bèn bứt đầu khỏi thân rồi đem bỏ ở chỗ hoang vắng, quý cái la-sát Xà-la nổi đầu mình lại đem về nuôi dưỡng, sau lớn thành người, sức lực phi thường. Làm vua có thiên hạ lấy người ở các nước nhỏ một muôn tám ngàn người để ở năm núi này, dùng sức mạnh mà cai trị cõi Diêm-phù-đề. Người Diêm-phù-đề nhân đó gọi là thành Vương xá.

Lại có thuyết nói trong thành trước bị cháy, một lần cháy thì xây cất lại, như thế đến bảy lần. Người trong nước bị dịch bệnh, nhóm hợp các người trí mà dời chỗ, bèn tìm đất thì thấy có năm núi này bao chung quanh như thành. Liền làm cung điện, vua ở trong đó nên gọi thành Vương xá (thành vua ở).

Lại có thuyết nói rằng xưa có nước vua tên là Bà-tẩu, bỏ đời đi học tiên mong nổi trời mà sát sinh ăn thịt. Thân liền bị đọa vào địa ngục. Con là quảng xa lại nối ngôi vua, tự nghĩ cha mình đang sống mà bị đọa địa ngục, nay muốn xuất gia, lại sợ địa ngục, muốn trị thiên hạ lại sợ có tội thì thân ở đâu. Khi đang nghĩ thế thì trên hư không có tiếng bảo rằng: “Người hãy đi đến chỗ mà ít thấy khó gặp thì nên làm nhà ở đó. Vua bèn đi săn, thấy có con nai chạy nhanh như gió, bèn đuổi theo. Đến núi này thấy các núi bao quanh đất ở giữa bằng phẳng, cỏ cây mềm mại, hoa đẹp khắp đất hoa trái sum suê, suối ấm ao hồ đều rất sạch sẽ. Trời rải hương trời như mưa và tấu nhạc trời. Càn-thát-bà thấy vua đến đều trốn mất. Vua thấy sự kỳ diệu này bèn xây cất nhà cửa gọi là thành Vương xá.

Núi Kỳ-xà-quật dịch là Linh Thứu, vì các Thánh tiên linh nương tới đây mà ở. Lại gọi là Thứu Đầu (đầu chim thứu), vì ngọn núi cao có hình đầu chim thứu. Lại có rừng Thi-đà ở phía Nam núi, các chim thứu ăn thấy chết xong đậu ở núi ấy. Nhưng pháp thân chẳng có tượng thật chẳng nhờ đất ở muốn làm lợi ích nên tùy hóa thân, bèn nói chỗ ở của Hóa chủ.

Cùng chúng đại Tỳ-kheo trở đi v.v..., là nêu chúng đồng nghe. Trước là Thanh văn, kế là Bồ-tát hiển bày trong giáo tướng bên ngoài Nhị thừa là hơn. Còn Bồ-tát tâm tuy thắng nhưng tướng bên ngoài không nhất định, cho nên nói sau. Thanh văn trước nêu vị, kế nêu số,

sao chẳng khen đức? Chẳng phải không có đức, nhưng người dịch kinh lược bỏ, cùng là gồm chung một chỗ một thời một tâm một giới một đạo, một kiến, một giải thoát... Đều là một, cho nên gọi cùng. Nay kinh cùng A-nan, các đại chúng đồng nghe nên nói cùng (chung). Nghĩa Đại có ba tức là lớn đại, là nhiều, là hơn được. Đại vương, đại nhân tôn kính nên gọi Đại. Khấp hiểu kinh sách trong ngoài nên gọi nhiều, hơn cả chín mười lăm nhóm nên gọi là hơn (thắng). Đây đều là bậc rốt ráo trong Tiểu thừa Vô học, nên gọi là đại Tỳ-kheo có nhân quả sáu nghĩa: Nhân gọi là khát sĩ, bố ma, phá ác, quả gọi Ứng cúng, Sát tặc, Vô sinh. Thích Luận nói ngài Tịnh Mục hỏi ngài Xá-lợi-phất về khát sĩ có bốn thứ ăn, hợp thuốc trồng cây làm ruộng vườn thì gọi là Hạ miệng thực còn nhìn sao bói toán thì gọi là Ngưỡng miệng thực, bốn phương khéo nói (du thuyết) thì gọi là Phương miệng thực, chú thuật bói toán thì gọi là Duy miệng thực. Tỳ-kheo không làm bốn việc này nên gọi là Thanh tịnh khát sĩ. Bố ma là nếu phát tâm xuất gia thì địa hành dạ-xoa kêu gọi bay khắp hư không lên đến sáu tầng trời cõi Dục ma vương nghe biết lo sợ mất người của mình. Phá ác là hay phá các phiền não, chín mười tám sử đều phá hết, nên gọi là phá ác. Chúng, là bốn người trở lên cho đến trăm ngàn vô lượng, ở một chỗ tác pháp yết-ma, hành trì Bồ-tát, sự lý cùng hòa hợp, không có tranh cãi trái nhau gọi là chúng hòa hợp. Một là tăng biết xấu hổ giữ giới không trái; hai là tăng không biết xấu hổ, không giữ giới, không phân biệt tốt xấu; ba là không biết tăng, tuy chẳng phá giới mà không phân biệt nặng nhẹ. Hai người tranh cãi nhau thì không phán quyết được, thì làm thinh không nói; bốn là tăng chân thật, tức là bậc Hữu học và Vô học. Nay hai tăng này được yết-ma đồng nghe chứng tín, mà chỉ lấy người Vô học. Một ngàn hai trăm năm mươi người là nêu số. Ba anh em Ca-diếp có một ngàn đệ tử. Ưu-lâu, Hán dịch là Mộc qua lâm. Già-da-hoa, Hán dịch là thành. Na-đê, Hán dịch là sông. Xưa nổi cồn có cõi, nay thì toàn là sông. Xá-lợi-phất, Hán dịch là Châu tử hay Thân tử, họ là Câu-lặc-đà. Mục-kiền-liên là họ dịch là Tán tụng, cũng gọi là Lai phục căn hoặc Hồ đậu, cả hai người cùng có hai trăm năm mươi đệ tử. Ca-diếp, Xá-lợi-phất... trước đều thờ lửa, đổi tà về chánh, gian khổ nhiều năm mà không được gì, sau khi gặp được Đức Phật liền chứng được thượng quả (quả cao). Cảm ân sâu của Phật nên thường theo hầu bên Phật là chúng đồng nghe. Trong vị Bồ-tát có bốn: Một là nói vị, hai là nêu số; ba là nêu tên Văn-thù; bốn kết là Thượng thủ. Tiếng Thiên trúc gọi là Ma-ha Bồ-đề, Chất-đế-tát-đỏa, Hán dịch là Đại đạo tâm thành chúng sinh. Văn-thù, Hán dịch là Diệu

đức. Dùng pháp độ người nên gọi là Pháp vương tử.

Hai là tựa phát khởi, các kinh chẳng giống nhau. Hoặc là phát ra ánh sáng rung chuyển mặt đất, mỉm cười nhập thiền tự nói vị hiệu, khuyên người khiến hỏi. Kinh này chính vì giết cha mà làm phát khởi. Vì sao nêu việc nghịch này làm phát khởi? Là vì muốn nêu cội này là cực ác khiến người chán bỏ. Cha mẹ sinh con mà còn bị nguy hại, tức là muốn cho người cùng ham Tịnh độ. Sau khi bà Vi-đề-hi nguyện vì con nói chỗ không sâu lo, con không thích cội Diêm-phù-đề đây vẫn đục này nữa. Trong đó có hai: Một là, bấy giờ v.v... trở xuống, là nói giết cha; hai là, hỏi quan giữ cửa trở đi là nói muốn giết mẹ.

Hỏi: Vì sao vua Tần-bà thì Phật khiến người nói pháp, còn Vi-đề vì sao Như lai tự đến?

Đáp: Cha nguyện nghe pháp nên khiến người truyền trao vì nghĩa hóa độ đã đủ. Còn mẹ cầu sinh Tịnh độ, không phải Phật thì chẳng khai thị được, cho nên cần phải tự đến Tần-bà-ta-la, Hán dịch là Mô thật, cũng gọi là ảnh kiên. Vi-đề-hi, Hán dịch là suy nghĩ. A-xà-thế, Hán dịch là vị sinh oán. Hoặc Ta-la-lưu-chi, Hán dịch là Chiết chí. Người nhà truyền nhau gọi là Thiện Kiến.

Đoạn đầu có bốn:

1. Tần-bà bị con nhốt vào ngục tối.
2. Phu nhân Quốc thái lén dâng mật cho vua ăn để cứu sống vua.
3. Phật nói pháp cho nghe để thấm nhuần tâm vua.
4. Nghe pháp nên nhiều ngày không chết.

Khi ấy, Thái tử A-xà-thế ở thành Vương xá, ngay khi Phật ở tại thành Vương xá. Ngày vị sinh oán, chưa sinh, có vị thầy bói đến chiêm quẻ nói đứa bé này khi sinh ra chắc chắn sẽ giết cha, nghe lời xúi của bạn xấu là Điều-đạt, Điều-đạt, Hán dịch là Thiên Nhiệt, cũng gọi là Thiên Thọ, là con của vua Học Phạn, là em họ của Đức Phật, là anh ruột của ngài A-nan, Hán dịch là Hoan hỷ, cũng gọi là Vô nhiễm hoặc Hân lạc. Điều-đạt có ba mươi hai tướng, xuất gia thuộc lòng sáu muôn pháp tự, đủ mười hai Phệ-đà. Vì lợi dưỡng mà đến chỗ Phật cầu học thần thông. Phật không dạy quán vô thường thì tự có thể được đạo. Lại đến với Xá-lợi-phất, Mục-liên cho đến năm trăm vị đệ tử của Đức Phật nhưng đều không dạy cho pháp thần thông. A-nan là em ruột vì chưa được tha tâm thông bèn trao cho thần thông. Điều-đạt vào núi học được năm thông, bèn nghĩ xem ai là đàn việt, chỉ có thái tử A-xà-thế là có tướng làm vua. Hoặc tự biến mình thành voi báu ngựa báu đến trước Thái tử mà bồng ẵm đút ăn. Lại lên trời mà lấy hoa trời thức ăn trời.

Bảo thái tử rằng: “Ta thành Phật mới còn ngài làm vua mới há chẳng sướng sao?” Bèn theo lời bạn xấu mà bắt nhốt vua cha. Điều-đạt phá Tăng, Xá-lợi-phất và Mục-liên bèn dạy hòa hợp lại. Điều-đạt xô núi đê Phật, Mật Tích Kim cương dùng cây sủi ngăn lại, đá nát ra làm ngón chân Phật bị thương. Tỳ-kheo-ni Hoa sắc quả trách bèn cung tay đánh làm cho trông mắt ni lòi ra. Điều-đạt làm ba nghịch tội đang sống mà bị đọa vào địa ngục. Tần-bà kiếp xưa ở núi Tỳ-phú-la đi săn nai, chẳng bắt được gì. Bỗng thấy một vị tiên ngồi nghiêm bèn sai người đuổi đi rồi ra lệnh giết chết. Trước khi chết, vị tiên có niệm ác nguyện kiếp sau sẽ dùng tâm miệng mà giết lại. Các việc như thế đều do các đại sĩ khéo quyền hiện biến hóa ra, làm việc phi đạo mà thông suốt Phật đạo chúng sinh căn tánh không đồng nhau, nhân đạo có khác, một nghịch một thuận, hoàng đạo lợi ích chúng sanh hiện bày làm tội Vô Gian mà không buồn giận. Xà vương thị hiện làm nghịch tội là muốn cho người dứt ác không gây ra tội nghịch nữa.

Phu nhân dâng thức ăn, vua ăn mật mì uống nước trái ép, xin nước súc miệng, chấp tay xa lễ Phật xin thọ tám giới, tắm gội sạch sẽ.

Hai vị Thánh vì nói pháp. Mục-liên là đệ tử hầu phía bên phải Phật. Xưa được Bích-chi-phất cạo tóc mặc áo ca-sa nguyện được thần thông, truyền trao tám giới, là chẳng giết hại, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu, chẳng đeo hương hoa, chẳng xem ca múa, chẳng ngồi giường cao rộng. Đó là tám giới, chẳng ăn quả ngọ. Tỳ-đàm nói không đeo áo hương thơm, không ngồi giường cao thì đồng là chỗ trang nghiêm mà hợp thành một giới. Phú-lâu-na, Hán dịch là Mãn Nguyệt Tử, Mãn Từ Tử là từ cha mẹ mà được tên, là người nói pháp bậc nhất, khéo mở tâm người nên Phật chỉ sai Ngài đi.

Tần-bà nhờ nghe pháp mà được nhiều ngày không chết.

Kế trong phần hại mẹ có bốn:

- Bị con giam nhốt.
- Do bị nhốt mà thỉnh Phật.
- Phật và đệ tử do thỉnh mà đến.
- Thấy Phật mà buồn thương vui mừng thỉnh pháp.

Trong phần một lại có ba:

- Muốn hại mẹ.
 - Hai quan can ngăn không cho giết.
 - Sai nội quan giam giam nhốt.
1. A-xà-thế hỏi quan giữ cửa là vua còn sống chăng?
 2. Quan giữ cửa cứ sự thật đáp lại.

3. Vua nghe rồi nổi giận, gọi cha là giặc, mẹ là bạn giặc liền cầm dao bén muốn hại mẹ. Phải giết người giữ cửa mà muốn giết mẹ.

Người giữ cửa râu rắng:

Trước đây vua có ra lệnh cấm các quần thần mà không nói cấm phụ nữ. Còn Sa-môn từ trên hư không bay xuống tôi không ngăn được.

Vua tuy tham làm vua giết cha nhưng không dám trái pháp luật.

Từ kiếp xưa đến nay đã có một muôn tám ngàn người, chưa nghe ai vô đạo giết mẹ. Giết mẹ mắt thấy sao nói tai nghe? Nghĩa là không chịu nghe người đời truyền nói. Không chịu ở đây mà muốn đi nước khác nên nói không ở. Từ ngày lập nước đến nay tuy có hình tội mà không giết phạt người nữ, huống là mẹ sinh ra mình, cho nên không ở. Lấy tay chống kiếm lui ra mà đi. Chống kiếm là ra uy để dứt cơn giận của vua. Kinh hoàng là sợ hãi, rất sợ hãi. Kỳ-bà, Hán dịch là Cố Hoạt, khi sinh ra là một tay cầm túi thuốc, một tay cầm ống sắt. Xưa thê làm thuốc để trị bệnh cho người. Từ đức mà đặt tên hiệu, là con của nàng Am-la, là hiền thần của nước. Hiền thần bỏ đi thì nước sẽ mất. Người không vì ta là Kỳ-bà siêng năng can ngăn cẩn thận chớ giết mẹ. Sám hối cầu cứu lỗi trước, liền quăng kiếm bỏ việc giết mẹ, rồi ra lệnh quan nội giám giam nhốt trong cung sâu.

Vy-đề-hy bị giam nhốt trở đi, là lần thứ hai thỉnh Phật nghĩa là thỉnh Như lai sai đệ tử đến gặp mình. Văn có hai: một là nói thỉnh người, hai là nói thỉnh pháp.

Vì sao Vy-đề-hy thỉnh được thấy Mục-liên và A-nan. Vì Mục-liên là cùng thầy, còn A-nan là thị giả Phật, trước nay thường khuyên răn dạy bảo, nên riêng cầu thấy. Vì ở trong cung sâu chẳng dám cầu riêng. Lòng chán cảnh này nguyện sinh tịnh ngộ, muốn khiến hai vị này truyền ý thỉnh Phật mà buồn rầu khóc lóc mong Phật thương xót nên ở xa mà lễ Phật. Trước đã lễ xong nay lại lễ nữa là biểu thị tâm siêng năng của mình.

Thế tôn ở núi Kỳ-xà-quật trở đi, là Như lai hiện trong cung, tức khi vừa nghĩ đến thì Phật hiện ra trên hư không. Văn có năm:

1. Thân thông.
2. Sắc thân.
3. Tòa ngồi.
4. Quyển thuốc.
5. Hoa như mưa.

Biết tâm niệm của bà Vy-đề-hy là biết tâm người khác. Từ núi Kỳ-xà-quật biến mất mà hiện ra ở cung vua là hiển bày thần thông.

Hỏi: Trước tần bà thỉnh đệ tử mà ý ở Như lai. Nay phu nhân thỉnh đệ tử ý, ý cũng ở Phật, sao trước thỉnh mà sai đệ tử còn nay thỉnh mà Phật tự đến?

Giải thích có hai nghĩa:

1. Xà vương và Điều-đạt giết cha. Nếu Như lai đích thân đến thì sợ vua sau này (là xà vương) sẽ oán thù. Vì giữ điều đó nên không tự đến.

2. Phật pháp nhờ vua che chở, nay Tần bà chắc chắn phải chết, Xà-thế sẽ làm vua Phật pháp sẽ không lưu hành cho nên Phật không đến. Còn phu nhân không có các việc này nên Như lai tự đến.

Trong buồn than thỉnh pháp có hai ý. Vy-đề-hy thấy Phật trở đi, là chánh nói thỉnh chỗ sinh đến nay hưởng Thế tôn trở đi là nói thỉnh nhân vãng sinh. Trước nói cúng dường là hỏi nhân vãng sinh, kế là hỏi chỗ sinh.

Con có tội gì mà sinh ra đứa con nghịch ác này, Thế tôn lại có những nhân duyên gì mà làm quyến thuộc với Đề-bà-đạt-đa. Kinh này không đáp, các kinh khác có nói: “Xưa thời Đức Phật Định Quang, Thích-ca là Ma-nạp đến học với vị tiên Trân Bảo; học tập đã thành, định muốn báo ân, nghĩ mình nghèo thiếu. Lúc đó có Da-nhã-đạt muốn gả con gái cho. Khi ấy Tu-ma-đề xin làm rể, người thông minh có trí nhưng tướng mạo xấu xí. Ma nạp đến gặp luận nghĩa thì Tu-ma-đề bị thua. Da-nhã-đạt vui mừng tặng nhiều châu báu gả con cho làm vợ. Ma đề nổi giận phát thệ rằng kiếp sau đời đời thường quấy phá. Do nguyên nhân này nên thường quấy phá. Văn đực, trước là năm trước, tức kiến trước, phiền não trước, chúng sinh trước, mạng trước, kiếp trước. Ác là mười ác, tức sát sinh, trộm cắp, dâm, nói láo, nói lời ỷ ngữ, nói hai chiều, tham lam, san hận ngu si. Ba đường, địa ngục gọi là nê-lê, dịch là chẳng thể vui, súc sinh dịch là đi ngang, do chủ nuôi nặng bị người sai khiến ăn nuốt. Ngạ quỷ thì đói khát sợ hãi. Cả cõi tam thiên đều có đường ác này, cho nên nói là đầy dẫy. Nhiều thứ bất thiện là nhân ác đạo. Không ai chẳng khởi nên gọi là nhiều. Người thường gây ra sát sinh, trộm cướp, tà dâm... Trái lý uống vật là bất thiện. Chứa nhóm hiểu gọi là nhóm, nguyện con ở đời vị lai không nghe tiếng ác, không thấy người ác. Nay hưởng về Thế tôn năm vóc sát đất, hai cùi chỏ, hai đầu gối và đánh đầu là năm vóc (thể). Sám ma là tiếng Phạm, Hán dịch là Hối quá, ghép chung là sám hối, dùng quả mà nghiệm nhân, thì biết quá khứ có tội, sợ đền trả chưa hết mà ở đời sau phải chịu nữa, nên phải sám hối. Cúi mong Chư Phật dạy bảo chỗ cầu xin. Phật có khả năng phá trừ các si mê tối tăm của chúng sinh, như mặt trời xua tan tối tăm, nên nói Chư Phật dạy con như quán

chỗ nghiệp thanh tịnh. Văn lời tựa đã xong.

Bấy giờ Đức Thế tôn phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày trở đi là thứ hai chánh thuyết. Văn có ba:

1. Nói tịnh nghiệp.
2. Nói diệu quán.
3. Nói lợi ích.

Giữa hai đầu chân mày Như lai có sợi lông trắng cũng như ngọc trắng như tuyết dài một trượng năm thước, lông có tám cạnh, chu vi năm tấc bên trong lông ấy rỗng, quay về bên hữu như ống lưu ly. Từ đây phát sáng, chiếu vô lượng cõi nước, rồi trở về đỉnh Phật biến thành đài vàng, hiện nhiều cõi nước, khiến Vy-đề-hy muốn sinh an dưỡng.

Một, phát ra ánh sáng là đáp lời thỉnh trước về chỗ sinh. Hai Thế tôn mỉm cười trở đi, là đáp tịnh nghiệp trước. Gần thì đáp suy nghĩ chánh thọ, ba thứ tịnh nghiệp tán tâm suy lường, gọi là suy nghĩ còn mười sáu chánh quán gọi là chánh thọ. Ở phần một có hai: Một là đáp chỗ sinh cúi mong trở đi, là nói thấy Tịnh độ. Lại thỉnh nhân tịnh quốc nên trước phát ra ánh sáng khắp bày các cõi, kế hoặc có trở đi, là bày độ sai khác. Vi-đề trở đi, là bày chỗ sinh.

Hai, là tùy khoa mà giải thích là đáp câu hỏi, tức đáp chỗ sinh trước, đáp chỗ sinh, có ba: Một là, bấy giờ trở đi, là phát ra ánh sáng khắp bày; hai là, hoặc có trở đi, là bày cõi sai khác; ba là lúc đó vi đề trở đi là bày chỗ sinh ba, suy nghĩ trở đi là thấy cõi lại thỉnh cầu nhân. Cõi này thanh tịnh hai nhân chánh trợ, một là dạy con suy nghĩ, nếu không suy nghĩ thì không thành nguyện lạc (nguyện ưa thích), có suy nghĩ đến nguyện (tư nguyện) mới thành nghiệp nhân. Cúi mong Đức Thế tôn dạy con tu nguyện tư Tịnh độ khiến thành nghiệp nhân. Đây là thỉnh cầu nghiệp làm thiện trợ đạo. Kế dạy con chánh thọ, là tưởng tà đảo, lãnh nạp sở duyên gọi là chánh thọ. Đây là thỉnh Thế tôn dạy con tu hành pháp quán Tịnh độ tức là chánh quán.

Trong mỉm cười có hai: Một là nói ba thứ tịnh nghiệp mà đáp suy nghĩ. Người làm phàm phu trở đi là kế nói mười sáu diệu quán để đáp chánh thọ. Trước nói nghiệp cùng chung phàm phu, kế nói cùng chung Nhị thừa, sau là pháp Đại thừa bất cộng. Trong tịnh nghiệp đều có ba: Một là nói ba thứ tịnh nghiệp. Bảo A-nan trở đi, là thứ hai khen câu hỏi rất khế hợp tâm Phật. Từ A-nan ông nên thọ trì v.v... trở đi là thứ ba. Lược dặn dò A-nan khiến phải giữ gìn được lợi ích. Ở phần một lại có ba: Một là nói ánh sáng chiếu Tần-bà được đạo; hai là nói Thế tôn bảo Vy-đề-hy người nay biết chẳng trở đi là nêu quả khiến tu nhân; ba là

muốn sinh về nước ấy v.v... trở đi là nói nhân vãng sinh.

Vì sao không đáp thẳng nhân của độ ấy mà lại phát ra ánh sáng mỉm cười? Có hai: Một là vì muốn tăng thêm đạo; hai là muốn vua cùng phu nhân, nhờ ánh sáng mà thấy nhau. Vua đã thấy ánh sáng tăng thêm đạo, biết nước không thật, xem chết như ngủ. Phu nhân thấy vua không buồn khổ pháp quán thành quả, mỉm cười là như giòng họ Thích bị giết, Như lai phát ra ánh sáng làm lợi ích chính vì Như lai khéo thấu suốt nhân duyên nghiệp báo không sai, quả báo đến khó tránh. Vua tu phải chết mà được đạo tích. Phu nhân bị giam nhốt tức là hiện duyên Tịnh độ. Vì có nhiều lý do nên mỉm cười. A-na-hàm là quả thứ ba bất hoàn.

Cách đây không xa, là cõi nước An lạc cách đây mười muôn ức cõi Phật. Mỗi cõi có Hằng sa thế giới sao nói không xa. Giải thích: Vì nhờ sức Phật, muốn thấy liền thấy, lại trong ánh sáng có hiện cõi nước, sáng rõ trên đánh Phật, một niệm liền duyên được, nên nói không xa.

Hiếu dưỡng cha mẹ kính thờ sư trưởng là kính trên tiếp dưới, làm từ tâm vậy. Tu mười nghiệp thiện là chỉ hạnh. Thân trừ ba tà, miệng lìa bốn lỗi, ý dứt ba ác. Thứ ba là Ba quy y, là Phật Pháp, Tăng. Giới tại gia cũng là mười giới. Đầy đủ các giới, là đạo tục cùng thọ vi tế. Không phạm oai nghi là ba ngàn oai nghi đều chẳng thiếu sót. Thứ ba, phát tâm Bồ-đề là nguyện khởi ý hướng về, gọi là phát tâm. Bồ-đề gọi là đạo. Quả Phật viên thông gọi là Bồ-đề. Đọc tụng Đại thừa, là nói tu giải hạnh hay vận thông, nói là thừa. Hai thứ kia chẳng bằng nói là Đức Phật bảo Vy-đề-hy ba nghiệp này là chánh nhân tịnh nghiệp của Chư Phật ba đời là lời khen.

Lắng nghe lắng nghe, khéo nghĩ nhớ. Lắng nghe là khiến sinh văn tuệ, khéo nghĩ là tư tuệ, nhớ nghĩ là tu tuệ. Giặc phiền não là thứ làm tổn thương đến tuệ mạng, làm tổn thương pháp thân, nên gọi là giặc. Được vô sinh nhẫn là sơ trụ sơ địa. Kinh Nhân Vương nói có năm nhẫn: Một là Phục; hai là Tín; ba là Thuận, bốn là Vô sinh; năm là Vãng lạng.

Trước nói lý do Vy-đề-hy thấy cõi nước kể là một câu hỏi đáp. là nói vì chúng sinh đời vị lai thỉnh phương pháp thấy độ. Người là phàm phu là chẳng có giới hạn không thể quán xa. Vi-đề là thật đại Bồ-tát, hội này liền được Vô sinh nhẫn. Nếu đồng ở phàm phu tâm tưởng yếu kém chưa được thiên nhãn, chẳng thể chiếu xa mà thấy cõi nước ấy được. Có phương tiện lạ giúp người được thấy. Phương tiện tức là mười sáu pháp quán, không phải quán thẳng gọi là phương tiện. Vì nhờ sức Phật nên thấy được cõi nước ấy, cũng là phương tiện.

Vi đề bạch Phật: Như nay con trở đi, là thỉnh cầu cho chúng sinh sau khi Phật diệt độ, trước là năm trước, bất thiện là mười bất thiện, năm khổ là năm chẳng vui, nên nói là năm khổ. Hoặc là năm ác, năm thống, năm thiêu năm ác là sát sinh trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Như Đại kinh nói gặp phải ách nạn, pháp vua hành phạt là năm thống, năm thiêu tức là bị đọa vào Ba đường khổ độc, gọi là năm thiêu. Làm sao thấy được cõi nước Cực lạc của Phật A-di-đà chính là thỉnh cầu.

Trong đáp có mười sáu quán:

1. Quán mặt trời.
2. Quán nước.
3. Quán đất.
4. Quán cây.
5. Quán ao.
6. Quán chung, quán tất cả lầu, đất, ao v.v..
7. Quán tòa hoa.
8. Quán tượng Phật Bồ-tát.
9. Quán thân Phật.
10. Quán Quán Âm.
11. Quán Thế chí.
12. Quán khắp vãng sinh.
13. Nói chung quán Phật Bồ-tát.
14. Quán sinh thượng phẩm.
15. Quán sinh trung phẩm.
16. Quán sinh hạ phẩm.

Ở mười sáu pháp quán văn phẩm chia làm ba, trước là sáu quán là quán y quả, kế bảy quán là quán chánh báo, sau ba quán là nói ba nhóm chín phẩm vãng sinh.

Thứ nhất là quán mặt trời là khiến chúng sinh cột tâm vào Phật bảo v.v... trở đi là nói lược hệ niệm, là chung khuyên tu quán. Vì sao trở đi, là chánh nói quán mặt trời. Ai có mắt đều thấy mặt trời lặn trở đi là nêu cảnh sở quán. Phải khởi tưởng trở đi, là chánh dạy quán sát, ấy là trở đi, là kết.

Dạy khiến chánh quán là dứt trừ tâm nghi. Kinh Đại bản nói dùng tâm nghi ngờ mà tu các công đức, khi sinh về nước ấy thì bị lạc vào biên địa. Ở biên địa lại chịu thai sinh. Cho nên khi thực hành quán tưởng này là khiến dứt trừ nghi ngờ. Chương là kinh Đại bản chép: “Chỉ trừ năm tội nghịch và chê bai chánh pháp. Cho nên thực hành quán tưởng này thì

năm tội nghịch trừ được sáu mươi ức kiếp tội nặng sinh tử, nhóm thấp kém ắt sẽ tự luận.”

Thứ hai là quán nước, trước nói quán nước là nêu cảnh giới được quán. Từ thấy nước lắng trong v.v... trở đi, là chánh nêu quán hạnh. Đó là tướng nước trở đi là kết quán. Một là quán tướng nước; hai là biến nước thành băng; ba là biến băng thành lưu ly; bốn là quán lưu ly thành đất đai trong ngoài trong suốt... Từ dưới đất có cột báu chống đỡ, trên đất có các tướng trang nghiêm, có các báu đầy khắp. Đất, mỗi báu phát ra ánh sáng nhiều màu. Ánh sáng thành các lầu đài, hai bên lầu đài có tràng hoa. Trên tràng hoa có nhiều nhạc khí giảng nói ra các Diệu âm.

Tám thứ gió mát, ở cõi ấy thật không có thời gian, nếu mượn tám thứ này nghĩa là trừ trên dưới, bốn phương bốn duy còn lại gọi là tám, cũng có thể dùng để đối tám quái.

Thứ ba, văn quán đất có bốn: Một là quán tiệm tướng quán dần lên. Từ như được tam-muội v.v... trở đi, là thứ hai, quán thật. Phật bảo trở đi là nói lợi ích. Thực hành quán này trở đi là nói quán tá chánh. Trước là tướng nước nên chẳng thể diệt tội, nay quán đất là thật nên quán có thể đoạn trừ.

Thứ tư là văn quán cây, có ba: Một là nói kết trước sau sinh; kế quán cây báu trở đi là chánh nói quán hạnh. Ấy là trở đi là kết. Trong chánh quán có năm:

- Nói thể của cây.
- Nói về sự trang nghiêm.
- Nói sinh pháp.
- Có ánh sáng rực rỡ v.v... trở đi là hiện cõi nước Phật.
- Thấy cành lá cây v.v... trở đi là kết quán.

Thứ năm là quán ao có năm:

- Nói thể của ao.
- Nói tướng ao.
- Tùy Tâm thích ý.
- Nói lợi ích.
- Kết quán.

Ma-ni là châu như ý. Tám công đức là nhẹ, trong, mát lạnh, mềm mại, ngon, không hôi, uống vào điều hòa thích hợp, uống vào không bệnh. Trong xanh là sắc nhập, không hôi là hương nhập, mát lạnh mềm mại là xúc nhập, ngon là vị nhập, điều hòa thích hợp, không bệnh hoạn là pháp nhập.

Thứ sáu là quán chung, có bốn: Các báu cõi nước v.v... trở đi là nói

quán chung: một là lầu báu; hai là cây, ba là đất, bốn là ao. Trong lầu quán thì một là chánh quán lầu, hai là quán trên đến hự không có các tiếng âm nhạc. Kết thành quán tướng gọi là thấy thô. Ấy là v.v.. trở đi là hai kết. Hoặc thấy v.v... trở đi là thứ ba, nói lợi ích. Thực hành quán ấy trở đi là thứ tu, nói quán tà chánh.

Thứ bảy là quán thân Phật có bốn: Một là, Phật bảo v.v... trở đi là khuyên nghe hứa nói; hai là, khi nói lời ấy trở đi là nói Phật hiện thân tướng; ba là, lúc đó Vi-đề v.v... trở đi là thỉnh cho vị lai; bốn là, Phật bảo v.v... trở đi, là đáp lời thỉnh nói rộng về thân Phật. Có năm thứ quán môn: Một là quán tòa hoa; hai là quán tướng; ba là quán thân Phật; bốn là quán quán Âm; năm là quán Thế Chí.

Trước quán tòa hoa có năm: Một là nói pháp dụng thành tòa và nói về tướng; hai là mỗi sắc vàng trở đi là nói hay tùy cơ mà lợi vật; ba là ấy là tướng hoa trở đi là kết quán; bốn là, A-nan v.v... trở đi là nói do nguyện lực mà thành; năm là, nếu muốn trở đi là nói quán ở vị lai có lợi ích.

Thứ tám là nói quán tướng, có ba: Một là nói pháp thân Chư Phật tự tại, từ tâm tướng sinh ra; hai là, cho nên trở đi là nói riêng quán Phật Di-đà và nêu quán hạnh; ba thực hành quán ấy trở đi là nói tu quán được lợi ích.

Thân pháp giới là thân pháp tánh của báo Phật. Chúng sinh tâm tịnh là pháp thân tự tại. Cho nên nói vào tâm tướng của chúng sinh. Giống như mặt trời sáng lòa giữa trời cao, bóng hiện khắp trăm sông, tức là ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp. Nói thân Phật tự tại là có khả năng tùy vật mà hiện ra. Trước nói Phật Bồ-tát, ở đây nói năng tùy. Lại thân pháp giới là thân Phật, không chỗ nào chẳng khắp, vì pháp giới là thể. Vào tất cả tâm tướng của chúng sinh, là được tam-muội quán Phật này thì giải nhập tương ứng, cho nên nói vào tâm tướng. Tâm ấy thành Phật, Phật là vốn không, tâm tịnh cho nên có, liền nói một bờ chắc chắn có khác nên nói tức là. Mà ngoài tâm không Phật, cũng không có nhân Phật. Mới học thì gọi là làm, cuối cùng thành tức là Phật. Nếu phân biệt hiện tại và vị lai thì pháp thân Chư Phật đồng thể với mình. Khi hiện đang quán Phật thì trong tâm hiện ra, tức là thể pháp thân của Chư Phật nên gọi tâm ấy là Phật. So mình đương quả do quán mà sinh cõi ấy nên gọi tâm ấy thành Phật. Biến Chánh biến tri từ tâm tướng sinh ra, là vì tâm tịnh nên Chư Phật liền hiện. Cho nên nói sinh. Cũng nhân quán Phật tam-muội này mà sinh ra thành Phật.

Thứ chín trong pháp quán thân chân thật của Phật có năm: Một

là nói kết trên; hai là, kể lại quán trở đi là chánh quán thân Phật; ba là, thực hành quán trở đi là chánh nói quán tâm Phật; bốn là, thực hành quán này bỏ thân đời khác trở đi, là nêu lợi khuyên tu; năm là, thực hành quán này trở đi, là nêu quán tà chánh.

Quán thân lớn nhỏ, cao sáu mươi muôn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. Sợi lông trắng như năm núi Tu-di. Núi Tu-di cao ba trăm ba mươi sáu muôn dặm, rộng mỗi bề đều bằng nhau; sợi lông trắng Phật ấy hơn đây gấp năm lần; mắt như bốn biển nước lớn. Theo lượng mắt mà suy ra lượng thân thì thân quá cao. Thân người đời cao bảy thước mà mắt chỉ dài hơn một tấc. Bốn biển nước lớn, một biển lớn tám mươi bốn ngàn do-tuần, bốn biển họp thành ba trăm ba mươi sáu ngàn do-tuần, thân dài hơn mắt gấp năm mươi sáu ức lần dù cho nhiều lắm thì không thể hơn gấp muôn lần. Vì sao thân Phật lại dài đến sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần. Nếu y theo mắt mà định ra thân thì chính là sáu mươi muôn ức na-do-tha, còn nói Hằng hà sa là người dịch có sự nhầm lẫn.

Mắt thấy thân Phật liền thấy tâm Phật. Thân do tâm khởi, nên thấy thân liền thấy tâm. Do thấy thân tâm mà tướng càng sáng, cho nên được thấy tâm Phật. Tâm Phật là tâm đại Từ bi, dùng từ bi vô duyên mà nhiếp khắp chúng sinh. Thích luận nói Từ có ba thứ: Một là duyên chúng sinh, không có tâm phan duyên với tất cả chúng sinh mà ở chúng sinh tự nhiên hiện lợi ích. Như kinh Niết-bàn chép: Ta thật chẳng đến nhưng do sức từ gốc lành mà khiến cho chúng sinh thấy việc như thế, hai là pháp duyên, không có tâm pháp quán mà đối các pháp tự nhiên chiếu khắp, như mặt trời chiếu vật không hề phân biệt, ba là vô duyên, không có tâm quán lý mà ở trong bình đẳng Đệ nhất nghĩa tự nhiên an trụ. Dùng từ bi vô duyên mà nhiếp các chúng sinh luận ra tướng tâm Phật, nhiếp thủ chúng sinh niệm Phật không bỏ. Nếu được Phật Từ bi hộ niệm thì được lìa khổ hoàn toàn, được an vui mãi mãi. Thích luận chép: Thí như cá con nếu mẹ chẳng nghĩ nhớ thì con tan nát hết. Chúng sinh cũng thế, nếu Phật không nghĩ nhớ thì gốc lành sẽ hư hoại. Nay nói vô duyên từ mà Chư Phật che chở, là tâm không trụ vào có không, chẳng y vào ba đời, mà biết duyên chẳng thật. Vì chúng sinh chẳng biết, mà thật tướng trí tuệ khiến chúng sinh được cái gì biết, đó là vô duyên.

Bỏ thân này đời khác sinh trước Chư Phật vì tu tam-muội niệm Phật. Phát nguyện thấy Phật đời đời thường gặp. Như người tập nghề khéo từ nhỏ đến lớn thì làm sẽ giỏi. Vì theo tam-muội niệm Phật nên được sinh nước Phật Vô Lượng Thọ. Cho nên kinh Bát chu nói:

Chúng sinh hỏi Phật: Nhân duyên gì được sinh về nước này?

Phật Di-đà đáp: Vì tu tam-muội niệm Phật mà được sinh về nước ta. Từ một tướng tốt mà vào, chỉ quán sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày. Như kinh quán Phật tam-muội chép: Thích-ca Như lai lông trắng giữa hai đầu chân mày v.v... luận thật tánh nói sợi lông trắng của Phật ở giữa hai đầu chân mày, rộng ba trăm sáu mươi muôn dặm, vuông tròn đều thế. Cho nên vẫn nói Phật Vô Lượng Thọ thân lượng vô biên, tâm lực phạm phu không nghĩ tới được. Chính có thể lấy sợi lông trắng của đức Thích-ca mà hiện quán lớn nhỏ. Nếu được tam-muội, quán tâm thành tựu mới có thể gọi tướng Phật ấy mà quán. Trí độ luận nói vì để tăng trưởng tam-muội niệm Phật cho các Bồ-tát, nên nói kinh Bát-nhã ba-la-mật. Nay nói Bát-nhã hiện thân tướng đặc biệt sắc tượng sáng suốt đến khắp mười phương, lấy đây mà quán.

Thứ mười là quán Quan Âm có ba: Một là kết trên; hai là, lại nên quán Bồ-tát Quán Thế Âm v.v... trở đi, là chánh nói quán thân Bồ-tát; ba là, thực hành quán này là nói quán tà chánh. Trong pháp quán thân Bồ-tát có ba: Một là quán thân tướng. Trong mao có hóa Phật đứng, đeo quả mà làm nhân; hai là nói đồng khác với Phật; ba là Phật bảo A-nan v.v... trở đi, lại nêu lợi khuyến tu. Thích-ca Tỳ-lăng-già dịch là Năng Thánh.

Mười một là quán Thế Chí có ba: Một là nói nhân quán thân lực đặt hai thứ tên. Kế nói Bồ-tát này mao trời có năm trăm sáu trở đi, là nói đồng khác với Quan âm; ba là trừ vô lượng kiếp tội trở đi là khuyến tu lược không pháp quán sẽ chẳng khác tên, cho nên chẳng lập lại. Sở dĩ quán Phật trước phải tướng sau mới pháp quán thân. Bồ-tát nói thẳng là pháp thân, là vì pháp thân Phật diệu cực, không thể quán một lần. Cho nên trước phải quán tướng tượng thật lanh lợi, thì sau pháp quán thân sẽ dễ. Còn Bồ-tát thì quán Phật xong rồi, kế quán hai vị Đại sĩ là trang nghiêm quyến thuộc. Như vua đến thì có quần thần, có Phật thì có Bồ-tát.

Thứ mười hai là quán khắp. Phổ và tạp khác nhau thế nào mà chia làm hai? Phổ (khắp) là quán tướng thân mình vắng sinh, gọi cảnh giới là mỗi pháp đều quán đủ. Tạp quán là nói Phật và Bồ-tát thân lực tự tại chuyển đổi chẳng thường còn, lớn nhỏ không nhất định hoặc tùy vật hiện, nên gọi là tạp, lấy đây làm khác. Trong “Khắp” có hai: Một là từ khi thấy việc này làm khởi tự tâm trở đi làm tướng thân mình vắng sinh; hai là Phật vô lượng thọ hóa thân trở đi, là Phật và Bồ-tát hóa thân hiện đến.

Thứ mười ba là tạp quán, có hai: Một là quán tướng tượng sáu; hai là Phật Vô Lượng Thọ thân lượng vô biên trở đi, là nói Di Đà biến hiện tự tại người tu bên bỉ thường khiến quen quán, tu hành không lười biếng.

Sở quán hoặc lớn hoặc nhỏ đều là thân Phật, quét bỏ các nghi là ý kính trọng của chủ nhân. Chúng nói có nghi gì. Trước nghe quán rộng lớn vô lượng nay nghe quán nhỏ nên nghi không phải thân Phật vì nhỏ chẳng kính nên phải quét sạch, mà nói đều là Phật mà kính trọng. Chỉ quán tướng tay nên có làm tướng đầu mà giải thích. Ở trên nói trong mào trời trên đầu Quán Âm có đứng vị hóa thân. Còn trên đầu Thế chí có một bình báu lấy đây làm khác. Còn lấy tướng tay mà giải thì nói tay ấy mềm mại có tám muôn bốn ngàn nét vẽ lấy tay báu này mà dắt dẫn chúng sinh. Đầu là văn kinh không dùng ở đây.

Thứ mười bốn là quán Thượng phẩm thượng sinh, quán này trở đi là ba quán quán người vãng sinh có hai nghĩa: Một là khiến biết ba phẩm vãng sinh bỏ phẩm trung hạ mà tu tập phẩm thượng; hai là khiến biết vị thượng trung hạ tức là ba phẩm trong Đại bản.

Hội thích kinh luận: Theo luận vãng sinh thì nói Nhị thừa không được sinh còn các nhóm trong kinh này thì Tiểu thừa, được sinh?

Đáp: Chính chỗ tiểu hạnh chẳng sinh cốt yếu là do thù chung muốn gieo trồng chủng tử Đại thừa, nên ông được sinh. Kinh là nói hiện nay, còn luận là nêu bản thể. Vì sao lại chứng Tiểu quả. Giải thích rằng tuy là thù chung phát đại tâm, nhưng trước đây nhiều người học Tiểu, đến đó nghe khổ, không, vô thường nên phát hiểu rõ mà chứng Tiểu quả trước. Được Tiểu quả rồi nhưng ở tiểu không trụ thì phải trở vào Đại.

Hỏi: Luận người nữ và căn thiếu chẳng sinh, thì kinh này bà Vy-đề-hy và năm trăm thị nữ lại đều vãng sinh. Giải thích rằng: “Luận nói người nữ và căn thiếu không sinh, là ở cõi ấy mà nói. Người sinh về cõi ấy tịnh căn lìa dục, cho nên không có người nữ, toàn là thân căn tịnh thượng nên không có người căn thiếu.” Kinh nói sơ trụ, cho nên ai có thiện tâm thì tất cả đều được sinh.

Hỏi: Đại bản nói năm tội nghịch và chê bai pháp không được sinh, vì sao nói kinh này nói tội nghịch được sinh?

Giải thích có hai nghĩa: Y theo người gây ra tội thì có thượng có hạ. Người thượng căn thì như vua chúa trên đời gây ra tội nghịch thì có cải hối nhiều nên khiến tội tiêu mỏng mà cho được sinh. Còn người hạ căn gây ra tội phần nhiều không ăn năn hối cải, nên không được sinh. Hai là y theo về hạnh, hạnh có định tán tam-muội quán Phật gọi là định,

tu trừ tịnh nghiệp nói là tán. Tán thiện thì sức yếu chẳng thể diệt trừ được năm tội nghịch nên chẳng được vãng sinh. Đại bản nói loại người này nên nói chẳng sinh. Còn kinh này nói quán nên nói là được sinh.

Trong ba phẩm lại có chín. Người thượng phẩm, đầu từ tập chủng, cuối đến Bồ-tát giải hạnh. Trung phẩm thì từ ngoại phạm thập tín trở xuống. Hạ phẩm tức là thời nay phạm tu dong dài. Sao biết được, vì thượng phẩm thấy Phật nghe pháp liền ngộ Vô sinh cho nên là người cùng đạo. Còn hạ phẩm gây ra đủ bốn tội nặng cũng được vãng sinh. Xếp đây là tợ. Vị thượng phẩm sẽ là đạo chủng, vị trung phẩm phải là tánh chủng, vị hạ phẩm phải là tập chủng. Bậc một được đạo có mau chậm, hai chỗ ngồi để vãng sinh có khác bậc một thì đài Kim cương, bậc trung thì đài tử kim, bậc hạ thì hoa sen vàng.

Ở văn đầu là nêu ba hoặc có chúng sinh nguyện sinh về nước ấy trở đi là chánh giải thích. Ba, đó gọi là trở đi là kết, trong giải thích lại có bốn: Một là nói tu nhân; hai là khi sinh nước ấy v.v... trở đi, là nói gặp duyên; ba là người tu thấy rồi trở đi là nói được sinh; bốn là sinh nước ấy trở đi là lợi ích sau khi sinh.

Tâm chí thành tức là thực hành hạnh nguyện của chúng sinh. Chí là nói chuyên. Thành là nói thật. Thâm là quả Phật cao sâu dùng tâm cầu đến nên gọi là thâm tâm, cũng từ lý sâu sinh ra, cũng từ rất ưa thích gốc lành sinh ra. Nên kinh Thập Địa nói vào tâm sâu rộng. Kinh Niết- bàn chép: “Rễ sâu khó nhổ nên nói thâm tâm”. Sáu niệm là Phật, Pháp, Tăng, Thí, Giới, Thiên. Sáu việc an tâm bất động gọi đó là niệm. Vô sinh hẳn là nói lên sơ địa. Đa-la-ni, một là hay giữ gìn thiện; hai là hay ngăn dứt ác, ấy là tổng trì.

Thượng phẩm trung sinh có ba: Một là nêu; hai là giải thích; ba là kết. Trong giải thích có bốn: Một là nhân vãng sinh; hai là hạnh này trở đi là nói gặp duyên; ba là người tu tự thấy trở đi là được sinh; bốn là người tu thân có sắc trở đi là lợi ích vãng sinh.

Sâu xa đệ nhất nghĩa, tức là thật tướng các pháp, dứt đường nói năng và suy nghĩ, gọi là sâu mâu tinh tấn rất là bậc nhất. A nậu không lui sụt, tức là đạo chủng Bồ-đề, cũng gọi chung là đạo chủng địa không lui sụt vị. Hiện tiền được thọ ký, là bốn thứ thọ ký một lúc hiện tiền.

Trong Thượng phẩm hạ sinh có ba: Một là nêu; hai là cũng tin nhân quả v.v... trở đi là giải thích; ba là đó gọi là v.v... trở đi là kết. Trong giải thích có bốn: Một là nói nhân vãng sinh; hai là người tu khi sắp chết trở đi là trông duyên; ba là khi thấy trở đi là được sinh; bốn là một ngày một đêm trở đi là lợi ích sau sinh.

Được trăm pháp minh môn, Địa luận chép: “Nhập trăm pháp minh môn là nghĩa tăng trưởng trí tuệ và suy nghĩ các thứ pháp môn. Hoan hỷ địa là mới chứng chỗ thánh nhiều đời vui mừng.”

Mười lăm là quán trung phẩm sinh. Trung phẩm thượng sinh có ba: Một là nêu; hai là nếu có chúng sinh trở đi là giải thích; ba là ấy gọi trở đi là kết. Trong giải thích có bốn: Một là nói nhân sinh; hai là từ khi sắp chết trở đi là gặp duyên; ba là thấy rồi trở đi là nói được sinh; bốn là khi hoa nở trở đi, là nói sau sinh lợi ích.

Năm giới là không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm không nói dối, và không uống rượu. Tám giới là như trên mà thêm không ngồi giường cao, không đeo chuỗi anh lạc tràng hoa và xông xức hương thơm, không được ca múa và đi xem nghe ca múa. Bốn đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, La-hán là Ứng cúng, bất sinh, sát tặc. Ba minh là quá hiện vị lai minh. Sáu thần thông là thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng và tận tận. Thân được như ý, sáu thứ này đều không tắt lấp nên nói là thông. Tám giải thoát là:

1. Trong có sắc tướng ngoài quán sắc.
2. Trong không sắc tướng ngoài quán sắc.
3. Tĩnh.
4. Không xứ.
5. Thức xứ.
6. Vô sở hữu xứ.
7. Phi phi tướng xứ.
8. Diệt tận giải thoát.

Trong tám thứ này, ba thứ trước là năm dục hấp dẫn không dính mắc, bốn thứ giữa là được lìa các thứ thấp kém. Một thứ sau là tâm thoát các lo nghĩ, nên gọi là giải thoát, cũng gọi là bối xả: Bối là sinh năm dục, xả là lìa tâm chấp mắc. Thích hội, luận nói Tiểu thừa chẳng sinh thì quyết định chẳng sinh. Trong đây nói sinh lui sụt tâm Bồ-đề mà được sinh. Đến chỗ đạo vô lậu thực liền chứng quả thứ tư. Đại luận cũng thế, hoặc dặt dẫn Tiểu thừa. Nhưng nó thật không có. Trung phẩm đúng lúc kiến được La-hán. Vì sao chẳng kịp chín phẩm. Giải rằng: Vì là thoái Bồ-đề Thanh văn vãng sinh về nước ấy, đạo vô lậu thuận thực liền chứng tiểu quả, chẳng giữ tiểu vị mà trụ. Lại khởi đại tâm mà tiến lên càng nhanh. Hoặc năm kiếp, hoặc mười kiếp được thành sơ địa. Như thế thêm bậc cúng là cao quý. Đại bản thượng phẩm nói xuất gia, trung phẩm không nói xuất điều trong đây nói là trung phẩm nếu không có xuất gia. Kinh nói một ngày một đêm giữ giới sa-di, cho nên biết có.

Mà đại bản không nói, là căn cứ vào thời gian dài trước sau làm lời nói. Nay nói xuất gia là ở thời ngắn mà luận.

Trung phẩm Trung sinh, có ba: Một là nêu; hai là, nếu có chúng sinh trở đi, là giải thích; ba là đó gọi trở đi v.v... là kết. Trong giải thích có bốn: Một là nói nhân sinh; hai là như người trở đi là nói gặp duyên; ba là người tu tự thấy trở đi là nói được sinh bốn, ở trong ao báu trở đi là nói sau sinh lợi ích trung phẩm trung sinh, nếu có chúng sinh một ngày một đêm trì tám giới trai, hoặc một ngày một đêm giữ giới sa-di, hoặc một ngày một đêm giữ giới cụ túc, oai nghi không thiếu. Hồi hướng công đức nguyện sinh về nước Cực lạc giới hương huân tu. Như thế khi người tu sắp mất thì thấy Phật A-di-đà cùng các quyến thuộc phát ra ánh sáng màu vàng ròng đem hoa sen bảy báu đến trước người tu. Người tu tự nghe trên hư không có tiếng khen rằng: “Này người thiện nam như người, khéo thuận theo lời dạy của Chư Phật ba đời nên ta đến đón người. Người tu tự thấy ngôi trên hoa sen, khi hoa khép lại thì sinh về thế giới Tây phương Cực lạc. Ở trong ao báu trải qua bảy ngày thì hoa nở, hoa đã nở rồi thì mở mắt chấp tay khen ngợi Thế tôn nghe pháp vui mừng được quả Tu-đà-hoàn. Trải qua nửa kiếp thì thành A-la-hán. Đó gọi là trung phẩm trung sinh.

Mười giới tức là tám giới trước lại thêm hai giới la không cầm giữ vàng bạc và tương tự vàng bạc và không ăn phi thời là mười giới. Giới Cụ túc là hai trăm năm mươi giới, năm mươi giới... Tu-đà-hoàn dịch là tu tập vô lậu hoặc nghịch lưu. Trung phẩm hạ sinh có ba: Một là nêu; hai là nếu có trở đi là giải thích; ba là đó là trở đi là kết. Trong giải thích có bốn: Một là nói nhân; hai là người này khi chết v.v... trở đi là nói duyên; ba là nghe việc này trở đi là được sinh; bốn là trải qua bảy ngày trở đi là lợi ích sau sinh.

Quán thứ mười sáu là sinh về hạ phẩm. Hạ phẩm thượng sinh có ba: Một là nêu; hai là từ hoặc có v.v... trở đi là giải thích; ba là từ đó là v.v... trở đi là kết. Trong giải thích có bốn: Một là nói nhân; hai là từ bấy giờ trở đi là nói duyên; ba là từ nói lời ấy trở đi là được sinh; bốn là trải qua bảy ngày trở đi là nói lợi ích sau sinh.

Hạ phẩm trung sinh có ba: Một là nêu; hai là giải thích; ba là kết. Trong giải thích có bốn: Một là nói nhân; hai là từ thối các hoa trở đi là nói duyên; ba là từ như một niệm v.v... trở đi là nói được sinh; bốn là từ trải sáu kiếp v.v... trở đi là nói lợi ích sau sinh.

Hạ phẩm hạ sinh, có ba: Một là nêu; hai là giải thích; ba là kết. Trong giải thích có bốn: Một là nói nhân; hai là từ thấy hoa sen vàng trở

đi là nói duyên; ba là từ như khoảng một niệm trở đi là nói được sinh; bốn là từ trong hoa sen v.v... trở đi là nói được lợi ích.

Niệm Phật Vô Lượng Thọ đến mười niệm, là thiện tâm tiếp nối đến mười niệm. Hoặc nhất niệm thành tựu liền được vãng sinh, vì niệm Phật được trừ diệt tội chướng, liền dùng niệm Phật làm duyên tốt. Nếu chẳng như thế, làm sao được vãng sinh.

Thứ ba lợi ích, có hai: Một là nói phu nhân ngộ đạo Vô sinh; hai là nói thị nữ phát tâm.

Thứ ba là phần lưu thông, cũng có hai: Một là nói về cung vua là lưu thông; hai là từ bảy giờ v.v... trở đi là nói núi Kỳ-xà-quật lưu thông. Phần một có bốn: Một là nêu tên giáo trì; hai là hạnh này trở đi là nói tu có ích, khuyên người tin làm; ba là bảo A-nan trở đi là dặn dò nên biết; bốn là nói trở đi là Mục-liên nghe v.v... vui mừng.

Trong phần một A-nan trước hỏi gọi là gì v.v... trở đi là hỏi tên kinh. Từ trước nói rất nhiều nghĩa thì nghĩa nào là tên kinh này, yếu chỉ của pháp này làm sao thọ trì? Hỏi pháp thọ trì, Phật đáp gọi là quán Phật Vô Lượng Thọ, Quán Âm, Thế Chí ở thế giới Cực lạc cũng gọi là tịnh nghiệp sinh trước Chư Phật. Đối câu hỏi đầu là ông phải nên thọ trì chớ để cho quên mất. Đối câu hỏi sau, kể nói có ích. Thực hành mười sáu quán môn trước được lợi ích lớn hiện thân được thấy Phật, Bồ-tát ấy. Người Thiện nam tử người thiện nữ nào nghe tên trở đi là nói lợi ích niệm Phật Bồ-tát ấy. Chỉ được nghe tên mà trừ được vô lượng tội huống chi là nhớ nghĩ, là nói niệm Phật Bồ-tát có lợi ích lớn, nêu phần kém huống chi là phần cao quý hơn. Người niệm Phật là hoa phân đà lợi của loài người là nói thân cao quý. Quán âm Thế chí là bạn tốt là bạn cao quý, sẽ ngồi Đạo tràng, chỗ được đạo gọi là đạo tràng. Dưới cây Bồ-đề được đạo nên gọi là ngồi. Y theo đó được quả nghĩa nói là ngồi, y theo đó mà khởi hạnh nên gọi là sinh vào nhà Phật. Kết gọi là lời căn dặn, cũng gọi là quán Phật Vô Lượng Thọ, cũng gọi là dứt trừ nghiệp chướng. Vui mừng, do ba nghĩa nên gọi là vui: Một là nói người thanh tịnh, Phật có trí vô ngại, không hề lầm lẫn, gọi là thanh tịnh; hai là pháp nói ra thanh tịnh hay giúp cho chúng sinh chứng được tam-muội; ba là y pháp mà chứng được quả thanh tịnh.

Núi Kỳ-xà-quật trong phần lưu thông: Ban đầu Đức Phật đi trong hư không, rồi trở lại núi Kỳ-xà-quật vì để làm tăng thêm tâm cung kính, phụng hành lời thuyết giáo, cho nên hiện thân biến này. Kế là ngài A-nan và chúng Trời, Rồng v.v... nghe pháp vui mừng, đánh lễ Phật rồi lui ra.